



ĐIỂM TIN | VFM

THÁNG 4/ 2012

GIỚI THIỆU VFM

Công ty VietFund Management là công ty quản lý quỹ đầu tiên tại Việt Nam chuyên thực hiện quản lý các quỹ đầu tư cho nhà đầu tư cá nhân pháp nhân trong và ngoài nước.

Trong năm 2008, dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư được công ty Viet Fund Management tập trung triển khai cho các nhà đầu tư cá nhân và pháp nhân, các tổ chức tài chính lớn trong và ngoài nước. VFM có đội ngũ quản lý kinh nghiệm lâu năm và khả năng hoạch định các giải pháp đầu tư chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản lý tài sản này.

Với kiến thức chuyên sâu và tầm nhìn chiến lược, các chuyên gia tư vấn tài chính của VFM luôn theo dõi sát sao và phân tích những biến động của thị trường, đồng thời tiến hành nghiên cứu tổng thể và nhạy bén điều chỉnh các cơ cấu danh mục. Từ đó nhiều cơ hội đầu tư mới mở ra và mang lại kết quả tối ưu cho nhà đầu tư.

Hãy dành thời gian để tận hưởng cuộc sống của riêng mình – tài sản mà bạn giao phó đã được chúng tôi quản lý một cách chuyên nghiệp nhất và bạn hoàn toàn yên tâm vì điều đó.



Trụ sở chính

Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point
Số 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam
ĐT: (84 8) 3825 1488 Fax: (84 8) 3825 1489

Chi nhánh tại Hà Nội

Phòng 903, Tầng 9, Tòa nhà HCO
44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: (84 4) 3942 8168 Fax: (84 4) 3942 8169

QUỸ ĐẦU TƯ

VF1

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Chứng Khoán Việt Nam (VF1)
Tên tiếng Anh	Vietnam Securities Investment Fund
Mã giao dịch	VF1
Hình thức Quỹ	Quỹ công chứng dạng đóng
Vốn điều lệ	1.000.000.000.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	100.000.000 đvq
Ngày thành lập	24/05/2004
Ngày niêm yết	8/11/2004
Thời hạn hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank)
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí lưu ký	0,06%/NAV/năm (không chịu thuế VAT)
Phí giám sát	0,02%/NAV/năm (chưa bao gồm 10% VAT)
Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của ĐHNĐT

Mục tiêu đầu tư Đầu tư vào các cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) có tiềm năng tăng trưởng, chứng khoán nợ và các công cụ tiền tệ khác nhằm xây dựng mục tiêu đầu tư cân bằng.

Tình hình hoạt động quỹ trong tháng 04/2012

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng 4 năm 2012 tiếp tục xác lập xu hướng tăng điểm trên cả hai sàn Hồ Chí Minh và Hà Nội. Kết thúc tháng 4 năm 2012, VN-Index tăng 7,4% và HNX-Index tăng 10,6% so với tháng trước.

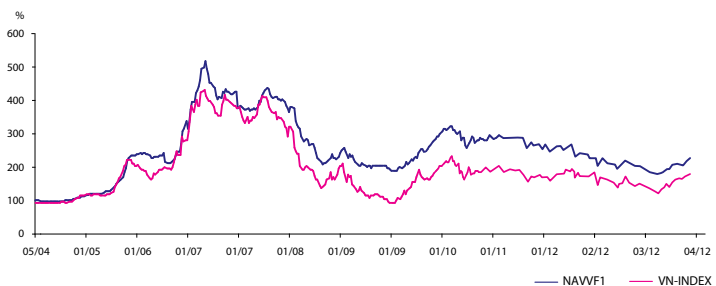
Kết thúc tháng 4/2012, NAV của Quỹ đầu tư VF1 đạt 16.523,5 đồng/chứng chỉ quỹ, tăng 10,7% so với tháng trước. Lũy kế từ đầu năm NAV của Quỹ đầu tư VF1 tăng 27,3%.

Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	30/04/2012			Tăng trưởng (%)					
	NAV	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (24/05/2004)
VF1	1.000	1.652,4	16.523,5	10,7	21,3	7,2	5,2	27,3	65,2(*)
VN-Index			473,8	7,4	22,1	12,6	16,8	34,8	81,1
HNX-Index			79,9	10,6	31,9	13,8	14,8	36,0	(20,1)

(*): chưa bao gồm các lần trả cổ tức

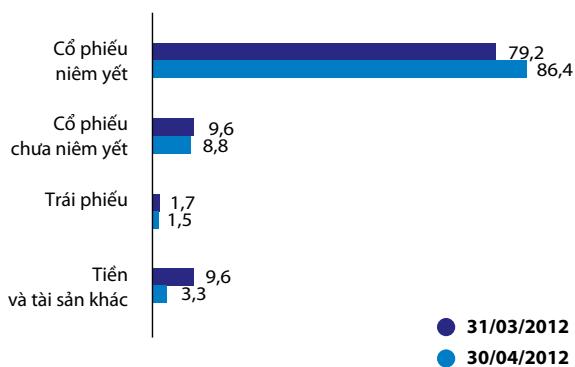
Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index 24/05/2004=100



Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	So với đầu năm	Bình quân năm
2012	4,9	10,2	(0,6)	10,7									27,3	8,4
2011	2,2	(10,7)	(1,8)	(5,2)	(10,2)	1,6	(4,7)	4,5	(3,1)	(3,1)	(12,7)	(3,6)	(38,9)	(38,9)
2010	(0,8)	0,6	2,3	7,0	(4,6)	0,2	1,3	(7,9)	(0,2)	(0,6)	(3,9)	1,4	(8,2)	(8,2)
2009	(1,4)	(7,5)	4,5	8,6	10,7	8,4	7,7	14,3	8,5	(0,6)	(8,6)	1,5	50,9	50,9
2008	(6,0)	(15,0)	(15,7)	(9,0)	(20,0)	(4,2)	6,7	14,2	(9,7)	(14,0)	(1,0)	0,6	(55,8)	(55,8)
2007	25,0	47,6	33,0	19,9	24,9	0,1	(3,5)(*)	(2,1)	5,8	8,8	(4,2)	(2,1)	46,1(*)	46,1(*)
2006	6,0	14,7	10,3	33,5	4,0	3,2	(8,4)	1,3	4,7	(4,4)(*)	15,2	31,0	175,1(*)	175,1(*)
2005	0,04	2,4	1,1	(2,4)	0,2	0,5	0,2	3,5	5,6	5,8	4,7	1,2	25,2	25,2
2004						1,0	(0,6)	(0,2)	0,3	0,6	(0,2)	0,6	1,6	3,2

(*): tính trên vốn bình quân

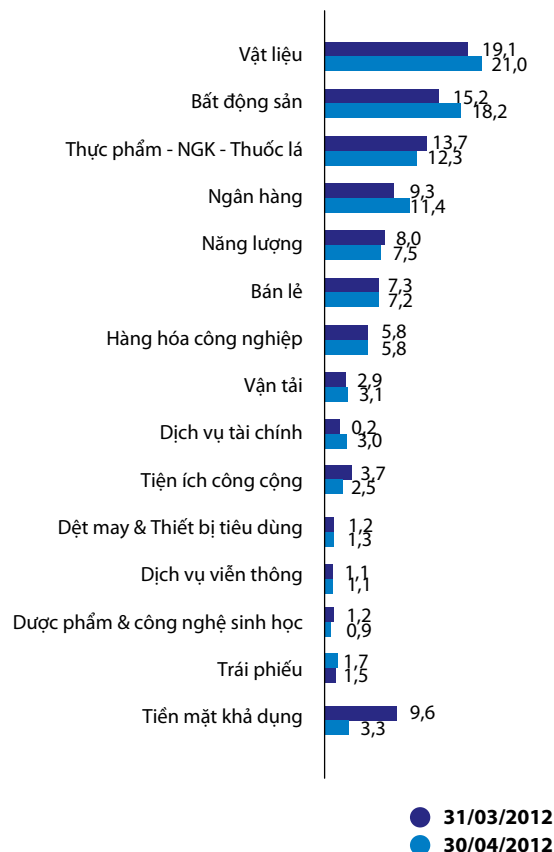
Phân bổ tài sản (%)



Tính đến ngày 30/04/2012 tỷ trọng cổ phiếu niêm yết trong danh mục của Quỹ đầu tư VF1 tăng từ 79,2% NAV lên 86,4% NAV do hoạt động giải ngân và do giá thị trường của đa số cổ phiếu niêm yết trong danh mục tăng mạnh trong khi tỷ trọng của cổ phiếu chưa niêm yết giảm từ 9,6% NAV xuống 8,8% do thị giá của cổ phiếu chưa niêm yết chỉ tăng trưởng nhẹ hoặc đứng giá.

Diễn biến về giá thị trường của các cổ phiếu trong danh mục cùng với việc giải ngân trong tháng 04/2012 làm cho tỷ trọng tiền mặt giảm từ 9,6% xuống 3,3% NAV.

Cơ cấu danh mục đầu tư (%)



Thứ tự trong tỷ trọng danh mục phân bổ theo ngành nghề của Quỹ đầu tư VF1 trong tháng 4 ghi nhận ít sự thay đổi so với tháng trước khi ba ngành Hạ tầng - Bất động sản, Vật liệu - Khai khoáng và Thực phẩm - NGK vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong danh mục đầu tư.

Tỷ trọng của ngành Bất động sản và Vật liệu ghi nhận sự tăng trưởng lần lượt là 3% và 1,9% so với tháng trước do thị giá của các cổ phiếu thuộc hai ngành trên tăng trưởng mạnh mẽ. Ngoài ra, tỷ trọng của ngành Dịch vụ Tài chính cũng ghi nhận mức tăng trưởng dương do hoạt động giải ngân vào ngành này trong kỳ.

Trong tháng 4, Quỹ đầu tư VF1 tích cực trong hoạt động giải ngân và theo đó tỷ trọng tiền mặt đã giảm từ 9,6% tại cuối tháng 3 xuống còn 3,3% vào cuối tháng 4.

Đến thời điểm 30/04/2012, tỷ trọng 4 ngành chính là: Hạ tầng - Bất động sản, Thực phẩm - NGK, Vật liệu - Khai khoáng và Ngân hàng chiếm 62,9% NAV của danh mục.

QUỸ ĐẦU TƯ

VF4

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4)
Tên tiếng Anh	Vietnam Blue-chips Fund
Mã giao dịch	VFMVF4
Hình thức Quỹ	Quỹ công chúng dạng đóng
Vốn điều lệ	806.460.000.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	80.646.000 đvq
Ngày thành lập	28/02/2008
Ngày niêm yết	12/6/2008
Thời hạn hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC – CN. Tp. HCM
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí lưu ký	0,06%/NAV/năm (không chịu thuế VAT)
Phí giám sát	0,02%/NAV/năm (chưa bao gồm 10% VAT)
Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của ĐHNĐT
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư vào quá trình cổ phần hóa của các doanh nghiệp lớn của nhà nước; cổ phần của các công ty có giá trị cao, sự tăng trưởng đều qua nhiều năm, và có xu hướng tiếp tục sinh lợi nhuận đều đặn trong tương lai.

Tình hình hoạt động quỹ trong tháng 04/2012

Thị trường chứng khoán trong tháng 4 đã có tăng trưởng khá và các chỉ số thị trường đang tích lũy quanh ngưỡng cản ngắn hạn trước khi xác định xu hướng mới. Thanh khoản thị trường vẫn được duy trì ở mức cao với bình quân trên 160 triệu cổ phiếu được giao dịch trên hai sàn mỗi ngày. Thị trường cũng có sự phân hóa rõ nét giữa các nhóm cổ phiếu khác nhau, trong đó nhóm cổ phiếu có vốn hóa vừa và nhỏ có mức tăng lớn hơn các cổ phiếu có vốn hóa lớn, và các cổ phiếu ngành bất động sản trở lại tăng trưởng sau một thời gian dài suy giảm.

Kết thúc tháng 4, VN-Index đóng cửa tại 473,77 điểm và HNX-Index đạt 79,86 điểm, lần lượt tăng 7,4% và 10,6% so với cuối tháng 3.

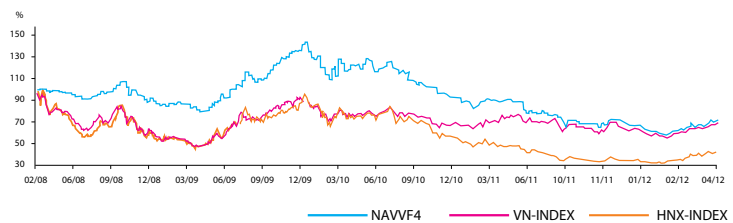
Danh mục Quỹ đầu tư VF4 cũng tiếp tục tăng trưởng và NAV đang ghi nhận mức 7.073VND/ CCQ, tăng 9,5% so với tháng trước.

Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	30/04/2012			Tăng trưởng (%)					
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (28/2/2008)
VF4	806,5	570,4	7.073	9,5	21,1	7,5	5,7	28,4	(9,3)*
VN-Index			473,8	7,4	22,1	12,6	16,8	34,8	(31,0)
HNX-Index			79,9	10,6	31,8	13,7	14,8	36,0	(65,6)

(*) sau khi trừ cổ tức 1,000 đồng/cổ phiếu trong tháng 12/2009 và 1,000 đồng/cổ phiếu tạm ứng trong tháng 04/2010

Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index 28/02/2008=100

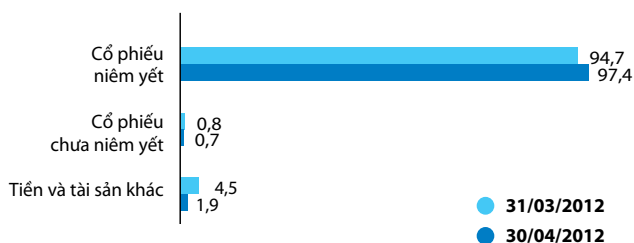


Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	Lũy kế từ đầu năm	Bình quân năm
2012	6,0	8,3	2,1	9,5									14,8	128,7
2011	1,0	(13,0)	(3,1)	(4,3)	(12,0)	2,4	(0,6)	3,2	(1,5)	(3,2)	(11,7)	5,1	(39,9)	(39,9)
2010	(3,4)	1,6	3,3	8,0	1,4	(0,8)	(4,1)	(9,4)	(10,7)	(2,2)	(3,3)	4,9	(13,1)	(13,1)
2009	(1,3)	(9,0)	8,3	11,2	13,0	6,5	7,6	16,6	6,1	(1,4)	(13,2)	0,5	48,9	48,9
2008			(2,0)	(0,9)	(5,7)	0,4	6,3	11,5	(8,5)	(12,7)	(3,7)	1,7	(17,4)	(17,4)

5 CP chiếm tỷ trọng lớn nhất

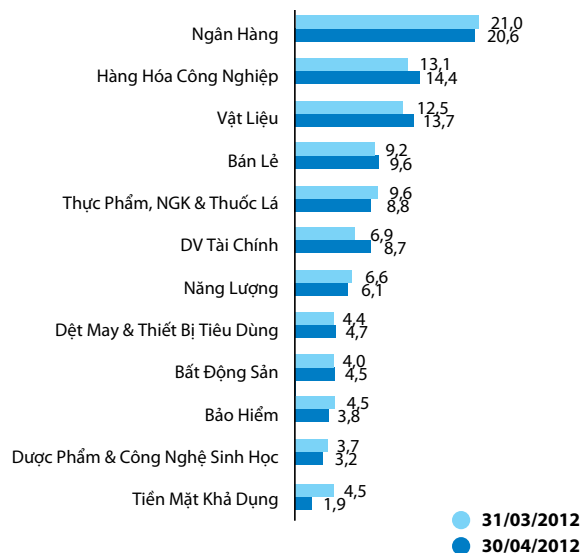
Tên cổ phiếu	Thị trường	Tỷ trọng trong NAV (%)
EIB	HOSE	10,2
DPM	HOSE	10,0
FPT	HOSE	9,6
VNM	HOSE	8,8
VCB	HOSE	7,2

Phân bổ tài sản (%)



Tại ngày 30 tháng 4 năm 2012, tỷ trọng cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết lần lượt là 97,4% và 0,7%. Trong khi tỷ trọng tiền mặt giảm từ 4,5% xuống 1,9% do mua ròng trong tháng.

Cơ cấu danh mục đầu tư (%)



Phân bổ danh mục theo ngành của Quỹ đầu tư VF4 có thay đổi nhẹ do mua bán trong kỳ cũng như biến động về giá khác nhau giữa các ngành.

Trong đó, tỷ trọng ngành Ngân hàng giảm nhẹ nhưng vẫn duy trì tỷ trọng lớn nhất trong danh mục, Hàng hóa công nghiệp, Vật liệu, Bán lẻ và Dịch vụ tài chính tăng nhẹ do mua ròng và tăng trưởng thị giá.

Tính đến thời điểm 30/4/2012 Quỹ đầu tư VF4 đang đầu tư vào danh mục 22 cổ phiếu thuộc 11 nhóm ngành, trong đó 3 nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất với tỷ trọng khá tương đương bao gồm:

- + Ngân hàng (20,6%)
- + Hàng hoá công nghiệp (14,4%),
- + Vật liệu & Khai khoáng (13,7%),

QUỸ ĐẦU TƯ

VFA

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)
Tên tiếng Anh	Vietnam Active Fund
Mã giao dịch	VFMVFA
Hình thức Quỹ	Quỹ công chúng dạng đóng
Vốn điều lệ	240.437.600.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	24.043.760 đvq
Ngày thành lập	02/05/2010
Ngày niêm yết	08/09/2010
Thời hạn hoạt động	5 năm
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân Hàng Far East National - CN TP. HCM
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí giám sát & lưu ký	0,04%/NAV/năm
Chính sách cổ tức	Tối thiểu 50% lợi nhuận thực hiện hàng năm của Quỹ
Mục tiêu đầu tư	Nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của TTCKVN dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following).

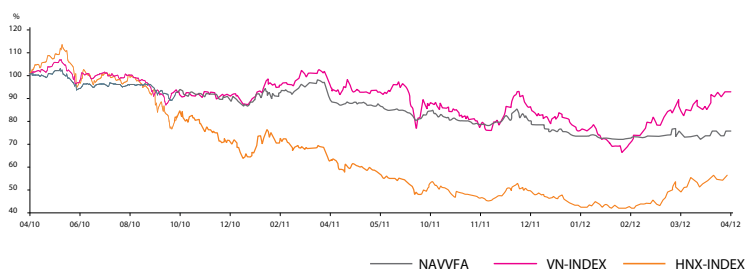
Tình hình hoạt động quỹ trong tháng 04/2012

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng 04/2012 tiếp nối đà tăng điểm với VN-Index tăng 7,4% và HNX-Index tăng 10,6%. Quỹ đầu tư VFA trong cùng kỳ đạt 7.543,2 đồng/chứng chỉ quỹ và có mức tăng trưởng 3,2%. Lũy kế từ khi hoạt động, NAV của Quỹ đầu tư VFA giảm 24,6%, cao hơn với mức giảm của VN-Index và tương đương với 50% mức giảm của HNX-Index.

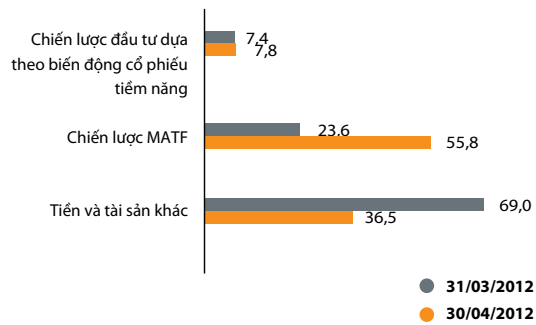
Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	29/02/2012			Tăng trưởng (%)					Lũy kế từ khi hoạt động (02/04/2010)
	Quy mô	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	
VFA	240,4	181,4	7.543,2	3,2	3,8	(1,2)	(3,9)	5,65	(24,6)
VN-Index			473,8	7,4	22,1	12,6	16,8	34,8	(7,2)
HNX-Index			79,9	10,6	31,8	13,7	14,8	36,0	(51,3)

Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index 02/04/2010=100

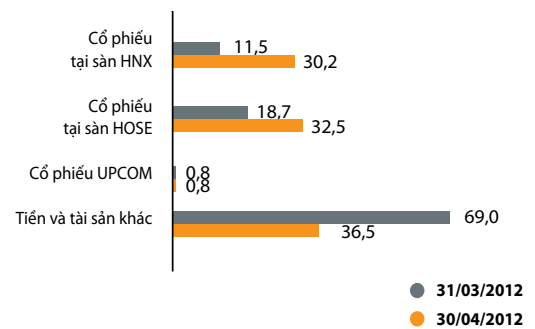


Danh mục đầu tư (%)



Trong tháng 4/2012, chiến lược MATF tiếp tục thực hiện các tín hiệu mua trên các cổ phiếu sàn HOSE và sàn HNX nên tỷ trọng của chiến lược này tăng từ 23,6% NAV lên 55,8% NAV. Tỷ trọng của chiến lược đầu tư dựa trên biến động của cổ phiếu tiềm năng tăng nhẹ từ 7,4% lên 7,8% chủ yếu đến từ sự tăng trưởng về giá.

Phân bổ tài sản (%)



Trong tháng 4/2012, chiến lược MATF có mức giải ngân ròng trên sàn HNX cao hơn sàn HOSE nên tỷ trọng của cổ phiếu 2 sàn ở mức cân bằng, lần lượt là 30,2% và 32,5% NAV. Tỷ lệ tiền mặt vì thế cũng giảm từ 69,0% xuống còn 36,5% NAV.



VIETFUND MANAGEMENT

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi công ty Vietfund Management (VFM). Các thông tin trong báo cáo được công ty VFM xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng. Tuy nhiên, công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong bản báo cáo này. Quan điểm, dự báo và các ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của công ty VFM và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các vấn đề thuộc các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.